TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 104/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 29/9/2023.
(*V/v: Ly hôn, nuôi con chung*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà: Lê Thị Kiều Thu.
2. Ông: Nguyễn Văn Đô.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 378/2023/TLST- HNGĐ ngày 05/7/2023 "*V/v: Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 481/2023/QĐST – HNGĐ ngày 28/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 537/2023/QĐST – HNGĐ ngày 13/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1981.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: khu phố C, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2023, bản tự khai ngày 21/7/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Trần Ngọc A trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị B tự nguyện tìm hiểu chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 29/8/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau thời gian chung sống vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không hoà hợp, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân. Hiện nay vợ chồng đã ly thân đến nay được 5 năm. Nay ông không còn tình cảm với bà B nữa, ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: có 1 con chung tên Trần Ngọc Vinh E, sinh ngày 28/11/2006. Nay ly hôn ông giao con cho bà B nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Trần Ngọc A trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị B vì vợ chồng đã sống ly thân hơn 05 năm nay nên không còn tình cảm nữa. Về con chung, giao con cho bà B nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 21/7/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Ngọc A chung sống vào năm 2005, có 1 con chung tên Trần Ngọc Vinh E, sinh ngày 28/11/2006. Thời gian gần đây bà mới phát hiện ông A có gian díu với người phụ nữ ở Long An và có con riêng. Ông A không chung thuỷ và lừa dối bà nên bà đồng ý ly hôn với điều kiện vợ chồng để lại căn nhà cho con.

Về con chung bà nuôi con, yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng. Về tài sản chung có 1 căn nhà vợ chồng thoả thuận để lại cho con.

Bà B đến Toà làm bản tự khai nhưng không đồng ý nhận thông báo thụ lý vụ án, do bà B từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như: "thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa" theo quy định của Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa vắng mặt bà Nguyễn Thị B.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ Luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao con cho bà B nuôi dưỡng, ông A không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung ông A không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tại phiên tòa do bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn không tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: thẩm quyền giải quyết vụ án, phía bị đơn bà Nguyễn Thị B có nơi cư trú tại khu phố C, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo qui định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc A về việc*"Ly hôn, nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị B vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Trần Ngọc A và bà Nguyễn Thị B tự nguyện tìm hiểu chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 29/8/2006, số 166, quyển số 01.

Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Ngọc A và bà Nguyễn Thị B là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng mạnh ai mạnh nấy sống. Theo bản tự khai bà B cũng đồng ý ly hôn kèm theo điều kiện để lại tài sản cho con. Qua đây, cho thấy bà B cũng không còn tình cảm với ông A nữa. Bà B không đến toà để giải quyết và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án, chứng tỏ bà B bỏ mặc không quan tâm đến, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chính vì vậy đã làm cho cuộc hôn nhân của vợ chồng ông bà ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng hơn nữa, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bà B đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa nhưng tại phiên toà hôm nay vẫn vắng mặt bà B, chứng tỏ bà B đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình nên việc xét xử vắng mặt bà B là phù hợp, đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng cho ông A.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Ngọc A

Về con chung: có 1 con chung Trần Ngọc Vinh E, sinh ngày 28/11/2006. Nay ly hôn, ông A giao con cho bà B nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Phong đang ở với mẹ có cuộc sống ổn định và nguyện vọng cháu muốn được ở với mẹ nên tiếp tục giao cháu Phong cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Đối với cấp dưỡng nuôi con, bà B có quyền khởi kiện trong vụ án khác (nếu có yêu cầu).

Về tài sản chung và nợ chung: Ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xét.

[3]Về án phí*:* Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***1/Căn cứ vào*:** khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 01 Điều 51, khoản 01 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***2/Tuyên xử*:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc A.

-**Về quan hệ hôn nhân:** ông Trần Ngọc A được ly hôn với bà Nguyễn Thị B

-**Về con chung:** giao con Trần Ngọc Vinh E, sinh ngày 28/11/2006 cho bà Nguyễn Thị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông A không cấp dưỡng nuôi con.

Ông A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

-**Về tài sản chung và nợ chung:** ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***3/<u>Về án phí</u>*:** Ông Trần Ngọc A nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Ông A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0018513 ngày 05/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết, được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2023). Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND D, tp. Phan Thiết, Bình Thuận;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

VŨ THỊ THU HÀ